

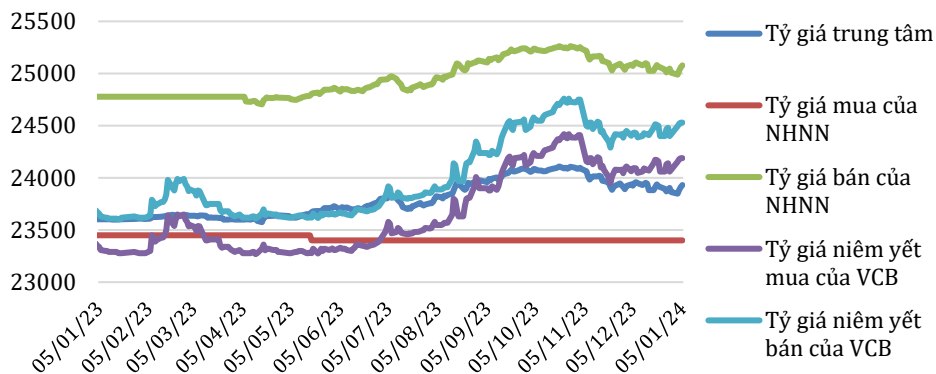
BẢN TIN THỊ TRƯỜNG TÀI CHÍNH, TIỀN TỆ, NGOẠI HỐI

Tuần từ 01/01 – 05/01

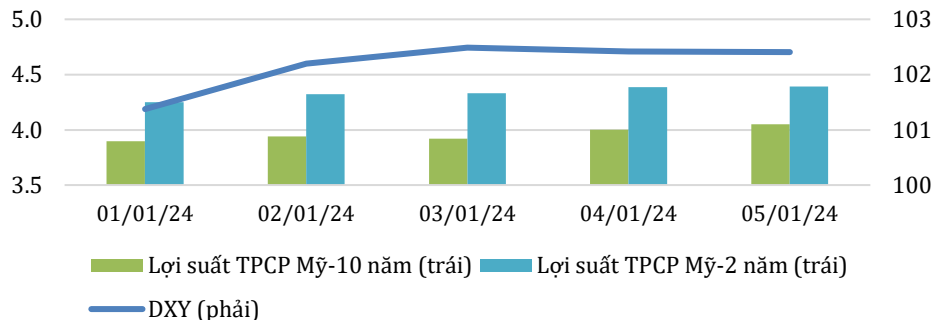
PHÒNG KINH DOANH VỐN

1 | Thị trường ngoại hối

DIỄN BIẾN TỶ GIÁ USD/VND TRONG NƯỚC



DXY & LỢI SUẤT TPCP MỸ



1, TIN TRONG NƯỚC

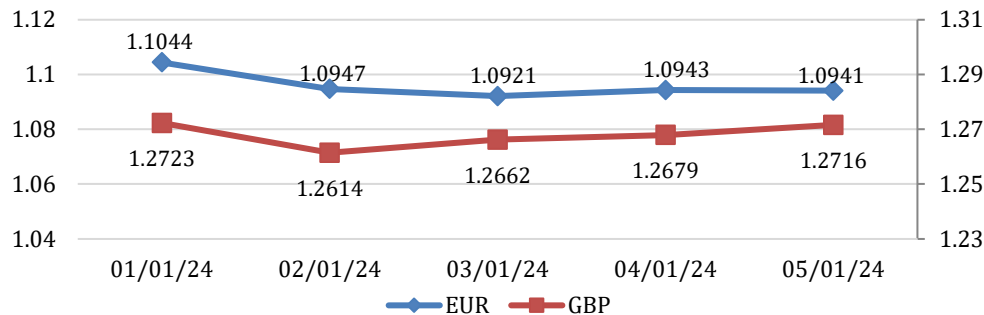
- Tỷ giá trung tâm (USD/VND) đóng cửa phiên ngày thứ 6 ở mức 23.932, tăng 84 đồng so với phiên đầu tuần (02/01) và tăng 66 đồng so với phiên ngày thứ 6 tuần trước. Tỷ giá bán giao ngay (USD/VND) của NHNN trong phiên ngày thứ 6 được niêm yết ở mức 25.078, tăng 69 đồng so với phiên ngày thứ 6 tuần trước.
- Tỷ giá mua - bán chuyển khoản tại Vietcombank (USD/VND) trong phiên ngày thứ 6 ở mức 24.190 - 24.530, tăng 110 đồng ở cả chiều mua và chiều bán so với phiên ngày thứ 6 tuần trước.
- Dự báo: Tuần sau, tỷ giá niêm yết USD/VND của VCB nhiều khả năng giảm dần, trong bối cảnh thị trường kỳ vọng lạm phát của Mỹ hạ nhiệt; dự kiến tăng trưởng CPI lõi trong tháng 12/2023 của Mỹ giảm xuống 3,8% - mức thấp nhất kể từ tháng 06/2021.

2, TIN QUỐC TẾ

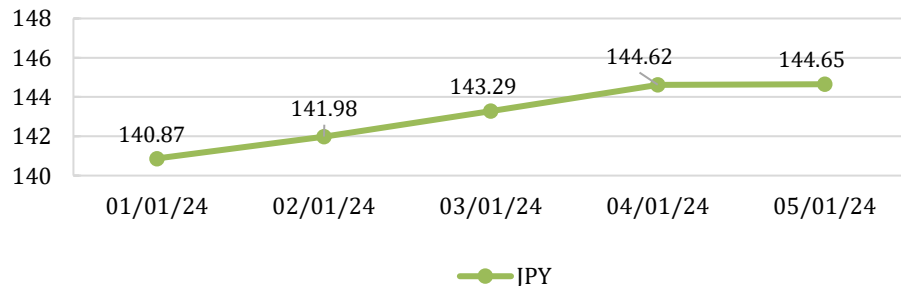
a) Mỹ

- Chỉ số DXY tăng 1,07% so với phiên ngày thứ 6 tuần trước (từ mức 101,33 lên mức 102,41), khi các dữ liệu được công bố trong tuần cho thấy nền kinh tế Mỹ đang trên đà phục hồi. Cụ thể, trong tháng 12/2023:
 - PMI dịch vụ (chính thức) của Mỹ tăng lên mức 51,4 từ mức 50,8 trong tháng 11, đánh dấu mức cao nhất kể từ tháng 08/2023.
 - Số lượng việc làm phi nông nghiệp của Mỹ tăng lên 216,000 việc làm từ mức 173,000 trong tháng 11 và cao hơn so với mức kỳ vọng 170,000.

DIỄN BIẾN TỶ GIÁ EUR/USD & GBP/USD



DIỄN BIẾN TỶ GIÁ USD/JPY



b) Châu Âu

- Tỷ giá EUR/USD giảm 0,86% so với phiên ngày thứ 6 tuần trước (từ mức 1,1036 xuống mức 1,0941), mặc dù nền kinh tế châu Âu có dấu hiệu tích cực. Cụ thể, PMI sản xuất, dịch vụ và tổng hợp (chính thức) của EU trong tháng 12/2023 lần lượt là 44,4; 48,8 và 47,6 đều tốt hơn mức dự báo. Bên cạnh đó, CPI sơ bộ của EU trong tháng 12/2023 tăng lên 2,9% từ mức 2,4% của tháng 11/2023.

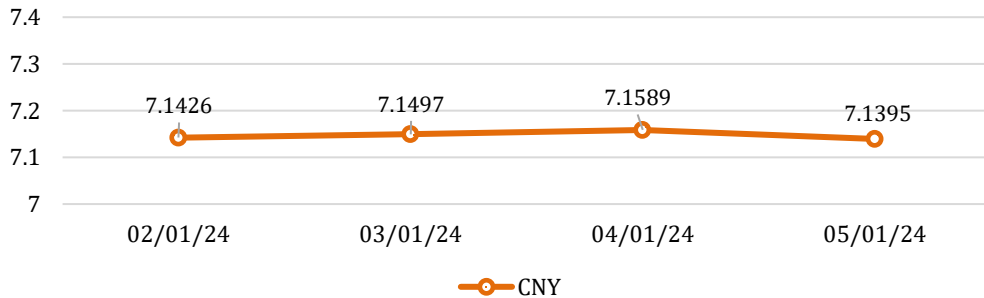
c) Anh

- Tỷ giá GBP/USD giảm 0,10% so với phiên ngày thứ 6 tuần trước (từ mức 1,2729 xuống mức 1,2716), mặc dù nền kinh tế Anh có dấu hiệu tích cực. Cụ thể, PMI dịch vụ và tổng hợp (chính thức) của Anh trong tháng 12/2023 lần lượt là 53,4 và 52,1, cao hơn so với tháng 11/2023 và vượt mức kỳ vọng.

d) Nhật Bản

- Tỷ giá USD/JPY tăng 2,55% so với phiên ngày thứ 6 tuần trước (từ mức 141,06 lên mức 144,65), khi PMI dịch vụ (chính thức) của Nhật Bản trong tháng 12 chỉ đạt mức 51,5 và thấp hơn so với mức kỳ vọng 52,0, cho thấy dấu hiệu suy yếu trong lĩnh vực dịch vụ.

DIỄN BIẾN TỶ GIÁ USD/CNY



e) Trung Quốc

- Tỷ giá USD/CNY tăng 0,59% so với phiên ngày thứ 6 tuần trước (từ mức 7,0978 lên mức 7,1395), chủ yếu do đồng USD tăng giá so với các ngoại tệ chính khác.

Một số sự kiện đáng chú ý diễn ra trong tuần tới (08/01/2024 – 12/01/2024):

- **08/01/2024:** Nhật công bố CPI lõi (Tokyo) tháng 12/2023.
- **09/01/2024:**
 - Mỹ công bố dữ liệu hàng hoá xuất khẩu, nhập khẩu và cán cân thương mại tháng 11/2023.
 - Đức công bố dữ liệu sản lượng công nghiệp tháng 11/2023.
- **11/01/2024:** Mỹ công bố CPI tháng 12/2023.
- **12/01/2024:**
 - Trung Quốc công bố CPI tháng 12/2023, dữ liệu hàng hoá xuất khẩu, nhập khẩu và cán cân thương mại tháng 12/2023.
 - Anh công bố GDP tháng 11/2023, dữ liệu sản lượng công nghiệp và cán cân thương mại tháng 11/2023.

2 | Thị trường tiền tệ trong nước

Hình thức GD	Kỳ hạn (ngày)			Chênh lệch
		02/01 – 05/01/2024	25/12 – 29/12/2023	
OMO reverse repo (1)	7	0.001	4.551	-4.550
	14	0.000	0.000	0.000
Tín phiếu (2)	7	0.000	0.000	0.000
	28	0.000	0.000	0.000
Đến hạn Tín phiếu (3)		0.000	0.000	0.000
Đến hạn OMO (4)		0.000	0.000	0.000
Chênh lệch (5) = (1)-(2)+(3)-(4)		0.001	4.551	

Diễn biến thị trường:

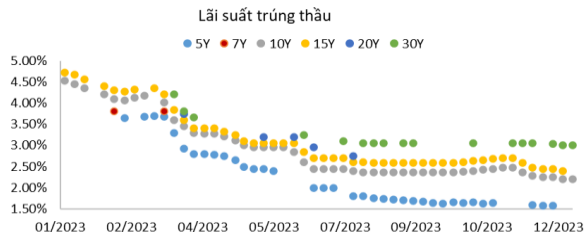
- Trong tuần 02/01 – 05/01/2024, mặt bằng lãi suất trên thị trường LNH giao dịch ổn định hơn và giảm dần về bằng mức đầu tháng 12/2023 khi thanh khoản VND trong hệ thống vẫn duy trì ở mức dư thừa. Theo đó, lãi suất tại các kỳ hạn ON – 1W giao dịch ở mức 0,5 – 0,7%/năm. Lãi suất tại các kỳ hạn dài 1M – 3M giao dịch quanh mức 2,0 – 3,2%/năm.
- Kênh OMO tiếp tục được NHNN chào kỳ hạn 7 ngày với lãi suất 4%/năm. Ngày 05/01, có 1 TCTD tham gia đấu thầu và trúng khối lượng là 1 tỷ VND, kỳ hạn 7 ngày với lãi suất 4%/năm.

Dự báo:

- Dự kiến trong tuần tới, mặt bằng lãi suất kỳ hạn ngắn trên thị trường LNH sẽ giao dịch quanh mức hiện tại.

3 | Thị trường trái phiếu

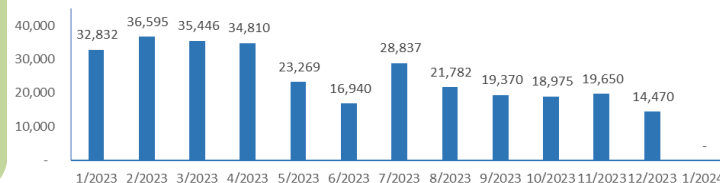
Thị trường sơ cấp



Tuần qua, KBNN gọi thầu 5.000 tỷ VND ở các kỳ hạn 5-10-15-30 năm nhưng không có thành viên nào trúng thầu.

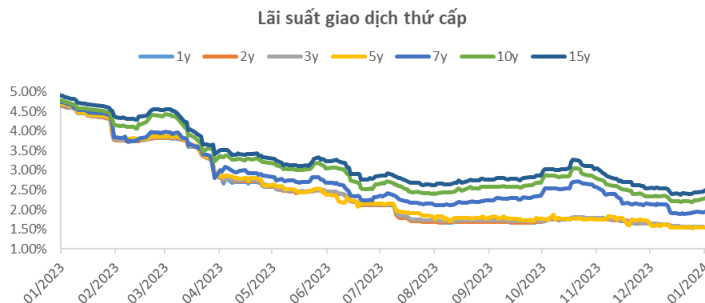
Tỷ đồng

Khối lượng phát hành



Thị trường thứ cấp

Thị trường thứ cấp có tuần giao dịch đầu năm sôi động với thanh khoản gia tăng. Mặt bằng lãi suất các kỳ hạn biến động không đáng kể so với tuần trước, riêng lợi suất kỳ hạn 7 năm giảm nhẹ.



Dự báo:

Tuần tới - từ 08/01/2024, dự kiến mặt bằng lợi suất TPCP biến động trong biên độ từ 1-8bps.
1-3 năm: 1,40 - 1,55%/năm; 5 năm: 1,52 - 1,62%/năm;
7 năm: 1,83 - 1,93%/năm; 10 năm: 2,15 - 2,25%/năm;
15 năm: 2,35 - 2,45%/năm.

4 | Thị trường hàng hóa

- Nhóm hàng Cà phê:

+ Giá cà phê vào thứ Sáu giao dịch trái chiều, với giá Arabica giảm xuống mức thấp nhất trong 3,5 tuần. Dự báo có mưa ở Brazil trong tuần tới là tín hiệu tích cực cho năng suất cà phê và tiêu cực cho giá.

+ Thứ Sáu tuần trước, Tổng cục Hải quan Việt Nam cho biết khối lượng xuất khẩu cà phê năm 2023 (Jan-Dec) của Việt Nam giảm -9,6% so với năm trước xuống còn 1,60 triệu tấn. Bên cạnh đó, Bộ Nông nghiệp Việt Nam vào ngày 3 tháng 1, dự báo sản lượng cà phê của Việt Nam trong niên vụ 2023/24 có thể giảm -10% xuống còn 1,656 triệu tấn, mức thấp nhất trong 4 năm do hạn hán. Trong khi đó, Hiệp hội Cà phê Việt Nam vào ngày 5 tháng 12 dự báo sản lượng cà phê Việt Nam năm 2023/24 sẽ giảm xuống 1,6-1,7 triệu tấn, so với 1,78 triệu tấn của năm trước.

+ Việc tăng nguồn cung cà phê toàn cầu là tiêu cực đối với giá sau khi Tổ chức Cà phê Quốc tế (ICO) cho biết vào thứ Tư rằng xuất khẩu cà phê toàn cầu tháng 11 tăng +4,1% so với cùng kỳ lên 10,61 triệu bao và xuất khẩu cà phê tháng 10-11 tăng +3,1% so với cùng kỳ lên 20,25 triệu bao.

Nông sản	Mã	29/12/2023	05/01/2023	% thay đổi
Cà phê Robusta	LRCF24	3046	3003	-1,41%
Cà phê Arabica	KCEH24	188,30	182,8	-2,92%
Ngô	ZCEH24	471,25	460,75	-2,23%
Đậu tương	ZSEF24	1293,50	1249,75	-3,38%
Lúa mì	ZWAH24	628,00	616,00	-1,91%
Bông	CTEH24	81,00	80,19	-1,00%
Đường	SBEH24	20,58	21,11	+2,58%

- Nhóm hàng Ngũ cốc:

+ Phe bán tiếp tục áp đảo trên thị trường đậu tương trong tuần giao dịch đầu tiên của năm 2024. Quay trở lại sau kỳ nghỉ lễ Dương lịch, giá đậu tương duy trì đà giảm từ khi mở cửa cho tới những phiên kế tiếp. Sự chú ý của thị trường tập trung đến khu vực Nam Mỹ vì thời tiết tại Brazil và Argentina đều có dấu hiệu tích cực. Điều này khiến giá đậu tương giảm tới tuần thứ 8 trong 9 tuần gần nhất.

+ Trung tâm Nghiên cứu Hàng hóa Refinitiv cho biết tuần này, mưa lớn sẽ tiếp tục ở phía Bắc, miền Trung và miền Đông Brazil, trong khi phía Nam và Đông Nam sẽ khô ráo. Nhiệt độ dự báo sẽ khá thuận lợi ở phía Bắc trong khi nắng nóng sẽ xảy ra trên một phần khu vực phía Nam và phía Đông. Nếu các dự báo này chính xác, mưa sẽ cải thiện đáng kể độ ẩm đất tại các khu vực chịu khô hạn, phục hồi thiệt hại của cây trồng về năng suất.

+Tại Argentina, thời tiết nhìn chung tương đối khả quan. Mưa trên diện rộng thời gian gần đây cũng giúp độ ẩm đất được cải thiện trên khắp vùng đồng bằng Pampas, hỗ trợ cho cây trồng phát triển. Độ ẩm đất hiện nay đang dao động ở gần hoặc trên mức cao nhất trong 6 năm ở hầu hết các vùng sản xuất chính, ngoại trừ một số tỉnh miền Tây như La Pampa và San Luis. Điều này là nguyên nhân chính khiến Refinitiv nâng dự báo sản lượng đậu tương niên vụ 2023/24 của Argentina lên mức 49,2 triệu tấn, tăng 2% so với ước tính trước.

- Nhóm hàng Nông sản khác:

+Dữ liệu Bán hàng Xuất khẩu của USDA cho thấy 131.100 kiện bông đã được xuất khẩu trong tuần kết thúc ngày 28/12. Con số này giảm 65% so với tuần trước và giảm 24% so với mức trung bình 4 tuần trước. Trung Quốc là nước mua hàng đứng đầu trong tuần. Dữ liệu FAS của USDA cho thấy cam kết đạt 8,623 triệu kiện.

Kim loại và Năng lượng	Mã	29/12/2023	05/01/2023	% thay đổi
Đồng COMEX	CPEH24	3,8905	3,8060	-2,17%
Đồng LME	CAD	8559	8463	-1,12%
Nhôm LME	AHD	2384	2273,5	-4,64%
Quặng sắt SGX	FEFH24	139,5	137,05	-1,76%
Dầu thô WTI	CLEH24	71,65	73,86	+3,08%
Dầu thô Brent	QOH24	77,04	78,76	+2,23%

- Nhóm hàng Kim loại

+ Lợi suất trái phiếu tăng mạnh trong khi đồng USD duy trì ở mức cao nhất trong hai tuần đã tiếp tục gây sức ép cho giá kim loại, giá các mặt hàng kim loại hầu hết giảm giá trong tuần.

+ Theo Ủy ban Điều tiết Chứng khoán Trung Quốc (CSRC), các sàn giao dịch kỳ hạn sẽ phải điều chỉnh khoản hoàn tiền phí giao dịch đối với các chương trình giao dịch hàng hóa để tăng cường giám sát. Nhà quản lý đã phủ nhận báo cáo rằng họ có kế hoạch dừng các giao dịch tự động.

+ Theo Platts, thị trường thép Trung Quốc dự kiến sẽ tiếp tục chịu áp lực do dư thừa công suất. Dựa trên tính toán của S&P, các nhà máy công suất 114 triệu tấn thép thô/năm sẽ đi vào hoạt động trong năm nay. Ngoài ra, xuất khẩu thép Trung Quốc cũng có thể tăng lên, khiến thị trường trong nước càng thêm cạnh tranh. Platts dự kiến xuất khẩu thép Trung Quốc có thể vượt mốc 90 triệu tấn trong năm nay.

- Nhóm hàng Năng lượng:

+ Biểu tình ở Libya buộc các nhà khai thác dầu phải giảm tối đa, thậm chí ngưng hoạt động tại mỏ Sharara. Đây là mỏ dầu lớn nhất của Libya với công suất khoảng 300.000 thùng/ngày. Trước đó, bất ổn địa chính trị đã cản trở sự phát triển của ngành dầu mỏ Libya. Theo dữ liệu của Argus, xuất khẩu dầu của Libya đạt trung bình dưới 990.000 thùng/ngày vào năm 2023, cao hơn 100.000 thùng/ngày so với năm 2022, nhưng thấp hơn khoảng 80.000 thùng/ngày so với mức cao nhất sau nội chiến vào năm 2021.

+ Trong khi đó, căng thẳng tại khu vực Biển Đỏ chưa có dấu hiệu hạ nhiệt cũng góp phần đẩy giá dầu tăng cao. Hãng tàu khổng lồ Maersk cuối tuần trước cho biết sẽ chuyển toàn bộ các tuyến vận tải khỏi Biển Đỏ trong tương lai gần, đồng thời cảnh báo khách hàng sẽ có gián đoạn trong vận chuyển hàng.

+ Ở diễn biến khác, thương mại dầu mỏ Trung Quốc và Iran đã bị đình trệ do Tehran từ chối xuất khẩu và yêu cầu giá cao hơn, thắt chặt nguồn cung giá rẻ cho nhà nhập khẩu dầu thô lớn nhất thế giới.

Lưu ý sử dụng thông tin

Tài liệu này chỉ phục vụ mục đích tham khảo, VCB không chịu trách nhiệm về bất kỳ tổn thất nào gây ra do việc sử dụng thông tin trên đây, Các thông tin trong tài liệu này có thể thay đổi theo diễn biến của thị trường và VCB không có trách nhiệm phải thông báo về những sự thay đổi này, Tài liệu này là sản phẩm và tài sản của VCB, Các hành vi sao chép sửa đổi, in ấn mà không có sự đồng ý của VCB đều là trái luật,

*Thông tin liên hệ: Phòng Kinh doanh vốn – Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam
Tầng 6 Tòa nhà Vietcombank, 198 Trần Quang Khải, Hoàn Kiếm, Hà Nội
Điện thoại: 84 - 4 - 3934 3137 (0348, 0306)
Reuters code: VCBH
Email: kdv@vietcombank.com.vn*